

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-11-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

2. Bà Lê Thị Bích Lan.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Khu dân cư 3B, tổ dân phố S, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt)

- Bị đơn: Anh Dương Đình V, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu dân cư 3B, tổ dân phố S, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Trường V

Cùng địa chỉ: thôn 1, xã Đức T, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/6/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T trình bày:

Chị Lê Thị Thùy T và anh Dương Đình V tìm hiểu yêu thương nhau được một thời gian thì tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 29/11/2006.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 bắt đầu có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong quá trình chung sống, anh V không có sự quan tâm, chia sẻ và tôn trọng chị T, mọi việc trong nhà chị T phải hỏi ý kiến của anh V, kể cả việc chi tiêu trong gia đình phải được sự đồng ý của anh V thì chị T mới được sử dụng.

Trong lúc vợ chồng đang chung sống nhưng anh V có quan hệ tình cảm và chung sống với người phụ nữ khác bên ngoài, vì muốn giữ hạnh phúc gia đình nên chị T cam chịu, nhiều lần khuyên can anh V thay đổi cách sống để vợ chồng có sự tin tưởng nhau, hàn gắn tình cảm chung sống hạnh phúc nhưng anh V vẫn sống theo ý thích của mình nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Từ tháng 01/2019 đến nay, chị T và anh V sống ly thân nhau. Trong thời gian ly thân, anh V và chị T chỉ liên lạc với nhau khi có vấn đề về con chung, ngoài ra mỗi người tự lo cho cuộc sống của mình, không còn quan tâm đến nhau, gia đình hai bên cũng đã tìm cách hàn gắn tình cảm cho anh V và chị T nhưng anh V không có thay đổi gì để vợ chồng có thể hàn gắn tình cảm, nay chị T cảm thấy giữa chị và anh V không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống nên chị T xin ly hôn với anh Dương Đình V.

Về con chung: Chị T và anh V có 03 con chung là:

- Dương Lê Anh T, sinh ngày 26/7/2008.
- Dương Thành P, sinh ngày 30/10/2011.
- Dương An N, sinh ngày 01/11/2015.

Hiện nay các cháu đang sống cùng chị T.

Khi ly hôn chị T có yêu cầu được nuôi hết 03 con chung, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 4.000.000đồng / 01 con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị T trình bày tài sản chung của chị và anh V gồm:

- 01 (một) thửa đất số 353, tờ bản đồ số 9, diện tích 100m² và một căn nhà cấp 4 được xây dựng năm 2012 trên thửa đất số 353 tại Khu dân cư 3B, tổ dân phố S, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, do anh Dương Đình V đứng tên

trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhà và đất nêu trên hiện nay chị T và các con đang quản lý sử dụng.

- 01 chiếc xe ô tô tải thùng 8 tấn, biển kiểm soát 76C-008.43, số máy 126757, số khung 006434, mua lại của bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

- 01 chiếc xe ô tô tải thùng 16,3 tấn, biển kiểm soát 76C-04415, số máy 140317030417, số khung XS F7EA 787976, do chị Lê Thị Thùy T đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

Hiện tại cả hai chiếc xe ô tô tải nêu trên anh V đang quản lý, sử dụng.

Giá trị của các tài sản chung nêu trên chị T và anh V tự định giá và thống nhất như sau:

Giá trị nhà và đất là 500.000.000đồng.

Giá trị xe ô tô biển kiểm soát 76C-008.43 là 60.000.000đồng.

Giá trị xe ô tô biển kiểm soát 76C-044.15 là 440.000.000đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản chung là 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng).

Khi ly hôn, chị T có yêu cầu chia hai tài sản chung của vợ chồng, cụ thể:

- Chị T yêu cầu được nhận căn nhà và Quyền sử dụng thửa đất số 353 tại Khu dân cư 3B, tổ dân phố S, thị trấn S, huyện T trị giá 500.000.000đồng để các con chung của chị T và anh V có chỗ ở ổn định.

- Chị T tự nguyện giao cho anh V quản lý, sở hữu 01 chiếc xe ô tô tải thùng 8 tấn, biển kiểm soát 76C-008.43, số máy 126757, số khung 006434, và 01 chiếc xe ô tô tải thùng 16,3 tấn, biển kiểm soát 76C-04415, số máy 140317030417, số khung XS F7EA 787976.

Giá trị của nhà đất chị T yêu cầu được nhận là 500.000.000đồng.

Giá trị của hai chiếc xe ô tô chị T tự nguyện giao cho anh V là 500.000.000đồng.

Do vậy chị T không thối lại giá trị nhà và đất cho anh V, chị T cũng không yêu cầu anh V phải thối lại giá trị của hai chiếc ô tô cho chị T.

Về nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có nợ chung.

Tại bản trình bày vào các ngày 30/8/2019, ngày 04/9/2019, anh Dương Đình V trình bày:

Anh V và chị T chung sống từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 29/11/2006.

Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính cách không hòa hợp, không ai chịu nhường nhịn ai.

Từ tháng 01/2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân và chị T xin ly hôn, anh V đồng ý.

Về con chung: Anh V và chị T có 03 con chung:

- Dương Lê Anh T, sinh ngày 26/7/2008.
- Dương Thành P, sinh ngày 30/10/2011.
- Dương An N, sinh ngày 01/11/2015.

Hiện nay các cháu đang sống cùng chị T.

Khi ly hôn anh V đồng ý giao hết 03 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 4.000.000đồng / 01 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung:

Anh V thống nhất với chị T về tài sản chung của vợ chồng gồm có:

- 01 (một) thửa đất số 353, tờ bản đồ số 9, diện tích 100m² và một căn nhà cấp 4 được xây dựng năm 2012 trên thửa đất số 353 tại Khu dân cư 3B, tổ dân phố S, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, do anh Dương Đình V đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhà và đất nêu trên hiện nay chị Thanh và các con đang quản lý sử dụng.

- 01 chiếc xe ô tô tải thùng 8 tấn, biển kiểm soát 76C-008.43, số máy 126757, số khung 006434, mua lại của bà Nguyễn Thị N.

- 01 chiếc xe ô tô tải thùng 16,3 tấn, biển kiểm soát 76C-04415, số máy 140317030417, số khung XS F7EA 787976, do chị Lê Thị Thùy T đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe.

Hiện tại cả hai chiếc xe ô tô tải anh V đang quản lý, sử dụng.

Giá trị của tài sản chung nêu trên anh V và chị T tự định giá và thống nhất như sau:

Giá trị nhà và đất là 500.000.000đồng.

Giá trị xe ô tô biển kiểm soát 76C-008.43 là 60.000.000đồng.

Giá trị xe ô tô biển kiểm soát 76C-04415 là 440.000.000đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản chung là 1.000.000.000đồng (một tỷ đồng).

Khi ly hôn, anh V có yêu cầu chia hai tài sản chung của vợ chồng, cụ thể:

- Anh V yêu cầu được nhận căn nhà và Quyền sử dụng thửa đất là thửa đất số 353 trị giá 500.000.000đồng .

- Anh V tự nguyện giao cho chị T quản lý, sở hữu 01 chiếc xe ô tô tải thùng 8 tấn, biển kiểm soát 76C-008.43, số máy 126757, số khung 006434, và 01 chiếc xe ô tô tải thùng 16,3 tấn, biển kiểm soát 76C-04415, số máy 140317030417, số khung XS F7EA 787976.

Giá trị của nhà và đất anh V yêu cầu được nhận là 500.000.000đồng.

Giá trị của hai chiếc xe ô tô anh V tự nguyện giao cho chị T là 500.000.000đồng

Do vậy chị T và anh V không ai phải bồi lại giá trị tài sản đã nhận.

Về nợ chung: Anh V trình bày vợ chồng không có nợ chung.

Tại bản trình bày ngày 08/8/2019 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày:

Vào năm 2012, bà có bán cho vợ chồng chị T và anh V 01 xe ô tô tải thùng 8 tấn, biển kiểm soát 76C-008.43, số máy 126757, số khung 006434, bà N là người đứng tên trong Giấy đăng ký xe ô tô, khi mua bán hai bên chỉ viết giấy tay, bà N đã nhận đủ số tiền và giao chiếc xe ô tô cùng toàn bộ giấy tờ xe cho vợ chồng chị T, anh V tự đi làm thủ tục sang tên đăng ký quyền sở hữu đối với xe ô tô biển kiểm soát 76C-008.43. Nay chiếc xe ô tô trên thuộc quyền sở hữu của anh V và chị T, bà N không có liên quan gì và cũng không có yêu cầu gì đối với xe ô tô biển kiểm soát 76C-008.43, bà N xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại bản trình bày ngày 08 tháng 8 năm 2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường V trình bày:

Ông V là chồng của bà Nguyễn Thị N, ông V có biết việc bà N bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 76C-008.43 cho vợ chồng anh V và chị T, chiếc xe ô tô này là tài sản riêng của bà N, bà N là người đứng tên trong Giấy đăng ký xe nên có toàn quyền định đoạt đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 76C-008.43. Việc bà N bán chiếc xe này cho vợ chồng chị T, ông V không có ý kiến, và cũng không có yêu cầu gì, ông V đề nghị Tòa án không đưa ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 06/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, đại diện Hội Liên hiệp Phụ nữ thị trấn S cho biết:

Trong thời gian vợ chồng anh V và chị T chung sống tại địa phương, giữa anh V và chị T không có mâu thuẫn gì lớn và không có sự phản ánh gì từ phía gia đình nên Hội Liên hiệp Phụ nữ Thị trấn S không can thiệp gì trong cuộc sống của anh V và chị T.

Đối với các con chung của anh V và chị T hiện nay vẫn đang ở chung nhà với anh V và chị T, được gia đình nuôi dạy tốt nên các cháu phát triển bình thường, được đến trường theo đúng độ tuổi và không có phản ánh gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thùy T và anh Dương Đình V.

Về con chung: Anh V và chị T có 03 con chung:

- Dương Lê Anh T, sinh ngày 26/7/2008.
- Dương Thành P, sinh ngày 30/10/2011.
- Dương An N, sinh ngày 01/11/2015.

Hiện nay các cháu đang sống cùng chị T.

Cháu T và cháu P đã có bản trình bày ý kiến được ở với chị T, đồng thời anh V cũng đã có bản trình bày ý kiến thống nhất giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi 03 con chung mỗi tháng 4.000.000đồng / 01 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử giao ba con chung của chị T và anh V cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đề nghị chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng cho các con của anh V.

Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng anh V chị Thanh gồm:

- 01 (một) thửa đất số 353, tờ bản đồ số 9, diện tích 100m² và một căn nhà cấp 4 được xây dựng năm 2012 trên thửa đất số 353 tại Khu dân cư 3B, tổ dân phố S, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, do anh Dương Đình V đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhà và đất nêu trên hiện nay chị T và các con đang quản lý, sử dụng

- 01 chiếc xe ô tô tải thùng 8 tấn, biển kiểm soát 76C-008.43, số máy 126757, số khung 006434, mua lại của bà Nguyễn Thị N do bà N đứng tên trong Giấy đăng ký xe ô tô.

- 01 chiếc xe ô tô tải thùng 16,3 tấn, biển kiểm soát 76C-04415, số máy 140317030417, số khung XS F7EA 787976, do chị Lê Thị Thùy T đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe.

Hiện tại cả hai chiếc xe ô tô tải anh V đang quản lý, sử dụng.

Giá trị của tài sản chung nêu trên chị T và anh V tự định giá và thống nhất như sau:

Giá trị nhà và đất là 500.000.000đồng.

Giá trị xe ô tô biển kiểm soát 76C-008.43 là 60.000.000đồng.

Giá trị xe ô tô biển kiểm soát 76C-04415 là 440.000.000đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T,

Giao căn nhà và Quyền sử dụng thửa đất số 353 trị giá 500.000.000đồng cho chị T được quản lý, sở hữu để các con chung của chị T và anh V có chỗ ở ổn định.

Giao cho anh V quản lý, sở hữu 01 chiếc xe ô tô tải thùng 8 tấn, biển kiểm soát 76C-008.43, số máy 126757, số khung 006434 trị giá 60.000.000đồng và 01 chiếc xe ô tô tải thùng 16,3 tấn, biển kiểm soát 76C-04415, số máy 140317030417, số khung XS F7EA 787976 trị giá 440.000.000đồng.

Chị T và anh V không ai phải bồi lại giá trị tài sản đã nhận.

Về nợ chung: Anh V và chị T không có nợ chung nên không đề nghị xem xét.

Anh V và chị T phải chịu án phí trên phần tài sản được nhận

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Thùy T xin ly hôn anh Dương Đình V, anh V có hộ khẩu thường trú và địa chỉ nơi cư trú hiện nay tại Khu dân cư 3B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Anh Dương Đình V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 29/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2019 nhưng anh V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Đình V.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Thùy T và anh Dương Đình V chung sống từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 29/11/2006.

Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được để tiếp tục chung sống nên ngày 25/6/2019, chị Lê Thị Thùy T có đơn xin ly hôn anh Dương Đình V và tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn, tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, anh V đã có bản trình bày đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Thùy T.

Từ các tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định:

Qua trình bày của các đương sự thể hiện từ năm 2018, vợ chồng chị T và anh V nảy sinh nhiều mâu thuẫn do không thống nhất với nhau về cách quản lý tiền bạc, chi tiêu trong gia đình, bên cạnh đó chị T nghi ngờ anh V không chung thủy nên chị T có sự lạnh nhạt trong tình cảm vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn giữa chị T và anh V kéo dài, ngày càng trầm trọng và không giải quyết được nên cả hai không còn sự quan tâm, thương yêu, chia sẻ với nhau.

Để tránh va chạm, chị T và anh V chọn giải pháp sống ly thân từ tháng 01/2019 đến nay.

Nay chị T nhận thấy chị và anh V không thể tiếp tục hàn gắn chung sống nên khởi kiện xin ly hôn anh V, anh V đồng ý ly hôn và không có ý kiến gì, anh V cũng không đến Tòa để tham gia phiên hòa giải, như vậy thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thùy T, cho chị Lê Thị Thùy T được ly hôn với anh Dương Đình V.

[3.2] Về con chung:

Chị Lê Thị Thùy T và anh Dương Đình V có các con chung là:

- Dương Lê Anh T, sinh ngày 26/7/2008
- Dương Thành P, sinh ngày 30/10/2011
- Dương An N, sinh ngày 01/11/2015

Khi ly hôn, chị T có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hết 03 con chung, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi mỗi con là 4.000.000đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ngày 30/8/2019, anh V có bản trình bày ý kiến đồng ý giao hết 03 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh V tự nguyện cấp dưỡng cho 03 con chung với mức cấp dưỡng mỗi cháu 4.000.000đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Trong quá trình Tòa án giải quyết anh V không có ý kiến gì thay đổi các nội dung đã trình bày vào ngày 30/8/2019.

Cháu Dương Lê Anh T và cháu Dương Thành P đều đã trên 7 tuổi, các cháu đã có bản trình bày nguyện vọng được ở với chị T.

Hiện tại các cháu Dương Lê Anh T, Dương Thành P và Dương An N đang ở cùng với chị T.

Xét yêu cầu của chị T, ý kiến của anh V và nguyện vọng của cháu T, cháu P và là phù hợp với quy định của pháp luật.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các con chung của chị T và anh V, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình, giao các cháu Dương Lê Anh T, Dương Thành P và Dương An N cho chị Lê Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chấp nhận ý kiến của anh V tự nguyện cấp dưỡng cho 03 con chung với mức cấp dưỡng mỗi cháu 4.000.000đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Dương Đình V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung:

Tài sản chung của chị T và anh V gồm có:

- 01 (một) thửa đất số 353, tờ bản đồ số 9, diện tích 100m² và một căn nhà cấp 4 được xây dựng năm 2012 trên thửa đất số 353 tại Khu dân cư 3B, tổ dân phố S, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, do anh Dương Đình V đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhà và đất nêu trên hiện nay chị T và các con đang quản lý sử dụng.

- 01 chiếc xe ô tô tải thùng 8 tấn, biển kiểm soát 76C-008.43, số máy 126757, số khung 006434, mua lại của bà Nguyễn Thị Nhị.

- 01 chiếc xe ô tô tải thùng 16,3 tấn, biển kiểm soát 76C-04415, số máy 140317030417, số khung XS F7EA 787976, do chị Lê Thị Thùy T đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe.

Hiện tại cả hai chiếc xe ô tô tải anh V đang quản lý, sử dụng.

Các tài sản chung nêu trên ngày 04/9/2019, chị T và anh V đã có biên bản tự định giá và thống nhất giá trị của từng loại tài sản như sau:

Giá trị nhà và đất là 500.000.000đồng, trong đó căn nhà là 100.000.000đồng, Quyền sử dụng đất là 400.000.000đồng

Giá trị xe ô tô biển kiểm soát 76C-008.43 là 60.000.000đồng.

Giá trị xe ô tô biển kiểm soát 76C-04415 là 440.000.000đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, chị T và anh V không tranh chấp thêm tài sản chung nào khác, và cũng không có ý kiến gì thay đổi đối với việc thỏa thuận định giá về giá trị của tài sản chung nêu trên.

Xét hiện nay chị T và các con chung của anh V và chị T đang sinh sống tại căn nhà gắn liền với thửa đất số 353 là tài sản chung của vợ chồng, anh V đồng ý giao hết 03 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, các cháu đều dưới 18 tuổi (lớn nhất 11 tuổi, nhỏ nhất 05 tuổi) cần thiết phải có nơi ở ổn định để đảm bảo cho các cháu về sức khỏe cũng như không làm xáo trộn việc sinh hoạt, học tập của các cháu;

Xét nghề nghiệp chính của anh V là Lái xe, từ trước đến nay và hiện tại anh V đang quản lý, sử dụng xe ô tô tải biển kiểm soát 76C-008.43 và xe ô tô tải biển kiểm soát 76C-04415 là tài sản chung của chị T và anh V để kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng hóa là phù hợp với nghề nghiệp của anh V.

Xét yêu cầu chia tài sản chung của các đương sự khi ly hôn.

Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 59, điều 62 của luật Hôn nhân và gia đình:

Giao căn nhà gắn liền với thửa đất số 353 và Quyền sử dụng thửa đất số 353 trị giá 500.000.000đồng hiện nay chị T đang quản lý cho chị T được sở hữu, quản lý, sử dụng để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng cho chị T vì sau khi ly hôn chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con chung của chị T và anh V, là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị T không phải bồi lại giá trị nhà và đất cho anh V

Chị T có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với tài sản được nhận.

Giao xe ô tô tải biển kiểm soát 76C-008.43 và xe ô tô tải biển kiểm soát 76C-04415 trị giá 500.000.000đồng hiện nay anh V đang quản lý cho anh V được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng là phù hợp với nghề nghiệp và công việc kinh doanh hiện nay của anh V.

Anh V không phải bồi lại giá trị của hai chiếc xe ô tô cho chị T.

Anh V có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sở hữu.

[3.4] Về nợ chung, nguyên đơn và bị đơn đều trình bày không có nên HĐXX không xem xét.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng đối với việc xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án phí về phần cấp dưỡng nuôi con: Anh Dương Đình V phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự về phần tài sản chung được nhận:

Chị Lê Thị Thùy T được nhận nhà và đất trị giá 500.000.000đ như vậy chị T phải chịu (20.000.000đ của 400.000.000đ + 4% của phần giá trị vượt quá 400.000.000 = 4.000.000đ) = 24.000.000đồng

Tổng cộng án phí chị T phải nộp là 24.300.000đồng, chị T được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002165 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, chị T còn phải tiếp tục nộp 12.000.000đồng

Anh Dương Đình V được nhận hai xe ô tô trị giá 500.000.000đ như vậy anh V phải chịu (20.000.000đ của 400.000.000đ + 4% của phần giá trị vượt quá 400.000.000 = 4.000.000đ) = 24.000.000đồng

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 59; Điều 62; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”, chị Lê Thị Thùy T được ly hôn với anh Dương Đình V.

2. Về con chung: Giao các cháu:

- Dương Lê Anh T, sinh ngày 26/7/2008
- Dương Thành P, sinh ngày 30/10/2011
- Dương An N, sinh ngày 01/11/2015

cho chị Lê Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Dương Đình V có trách nhiệm cấp dưỡng cho các con:

Cấp dưỡng cho cháu Dương Lê Anh T, sinh ngày 26/7/2008 mỗi tháng 4.000.000đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi;

Cấp dưỡng cho cháu Dương Thành P, sinh ngày 30/10/2011 mỗi tháng 4.000.000đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi;

Cấp dưỡng cho cháu Dương An N, sinh ngày 01/11/2015 mỗi tháng 4.000.000đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Giao căn nhà và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 353, tờ bản đồ số 09 của thị trấn S, địa chỉ thửa đất: Khu dân cư 3B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, và Quyền sử dụng đất của thửa đất số 353, tờ bản đồ số 09 của thị trấn S, diện tích 100m², địa chỉ thửa đất: Khu dân cư 3B, thị trấn S, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 310748 cấp ngày 27/6/2014 chủ sử dụng đất là ông Dương Đình V, hiện nay chị T đang quản lý cho chị T được sở hữu, quản lý, sử dụng.

Chị T không phải bồi lại giá trị nhà và đất cho anh V.

Giao 01 chiếc xe ô tô tải thùng 8 tấn, biển kiểm soát 76C-008.43, số máy 126757, số khung 006434, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng tên bà Nguyễn Thị N, và 01 chiếc xe ô tô tải thùng 16,3 tấn, biển kiểm soát 76C-04415, số máy 140317030417, số khung XS F7EA 787976, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đứng tên chị Lê Thị Thùy T hiện nay anh V đang quản lý sử dụng cho anh V được sở hữu, quản lý, sử dụng.

Anh V không phải bồi lại giá trị của hai chiếc xe ô tô cho chị T.

(Kèm theo bản án là trích đo hiện trạng thửa đất số 353, tờ bản đồ số 09 địa chỉ tại Khu dân cư 3B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi là một bộ phận không tách rời khỏi bản án).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự tự liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục về chuyển quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với các tài sản đã được nhận.

4. Về nợ chung: Chị Lê Thị Thùy T và anh Dương Đình V trình bày không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng đối với việc xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T tự nguyện chịu và đã nộp xong.

6. Về án phí:

- Án Phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị Lê Thị Thùy T phải nộp 300.000đồng.

- Án phí về phân cấp dưỡng nuôi con: Anh Dương Đình V phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự về phân tài sản chung được nhận: Chị Lê Thị Thùy T phải nộp 24.000.000đồng.

Tổng cộng án phí chị Lê Thị Thùy T phải nộp là 24.300.000đồng, chị T được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0002165 ngày 01/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, chị T còn phải tiếp tục nộp 12.000.000đồng.

- Án phí dân sự về phân tài sản chung được nhận: anh Dương Đình V phải nộp 24.000.000đồng.

Tổng cộng anh Dương Đình V phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 24.300.000đồng (hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng)

Chị Lê Thị Thùy T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Dương Đình V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thu Hằng